

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **36/2021/HNGĐ-ST**
Ngày: 23/12/2021
V/v: Ly hôn, tranh
chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Cường Thịnh

Ông Phạm Xuân Đỉnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Vi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Lệ Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Th, sinh năm 1983; Địa chỉ cư trú: Tổ 3, ấp 3B, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước (Có mặt).

Bị đơn: Ông Lê Nghiênm T, sinh năm 1981; Địa chỉ cư trú: Tổ 3, ấp 3B, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 4 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Th và ông Lê Nghiênm T chung kết hôn năm 2008, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Bình Long (nay là huyện Hớn Quản), tỉnh Bình Phước. Trước khi chung sống cả hai còn độc thân, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Từ tháng 10/2021 cho tới nay vợ chồng đã sống ly thân. Nay bà Th nhận

thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Th được ly hôn với ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống bà Th và ông T có hai con chung tên Lê Nghiêm Đức A, sinh ngày 16/7/2009 và Lê Diệu A, sinh ngày 10/8/2018. Khi ly hôn bà Th yêu cầu được nuôi hai con chung và yêu cầu anh Tính cấp dưỡng nuôi 02 con chung Lê Nghiêm Đức A và Lê Diệu A mỗi tháng 2.500.000 đồng/con, tính từ ngày có bản án, quyết định của Tòa án cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Bà Th yêu cầu được chia $\frac{1}{2}$ các tài sản chung là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất do bà Th và ông T tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân gồm:

- Chia cho bà Th được quyền quản lý, sử dụng, sở hữu tài sản là thửa đất có diện tích 492 m², tọa lạc tại ấp 3B, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước, thửa đất số: 140, tờ bản đồ số: 37, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BU 442516, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH - 04082, do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước cấp ngày 30/9/2014, mang tên ông Lê Nghiêm T, bà Lê Thị Th và toàn bộ tài sản gắn liền với đất.

- Chia cho ông T được quyền quản lý, sử dụng tài sản là thửa đất có diện tích 1001.5m², tọa lạc tại ấp 7, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước, thửa đất số: 2462, tờ bản đồ số: 6, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BA 006674, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS - 08700, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 17/10/2019, mang tên ông Lê Nghiêm T, bà Lê Thị Th; Thửa đất có diện tích 238.0 m², tọa lạc tại xã Nghĩa Hội, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, thửa đất số: 368, tờ bản đồ số: 2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BE 697785, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH 01382, do Ủy ban nhân dân huyện Tân Uyên cấp ngày 07/10/2011, mang tên bà Lê Thị Th.

Về nợ chung: Bà Th yêu cầu Tòa án chia $\frac{1}{2}$ số nợ gốc và lãi đối với khoản vay 300.000.000 đồng tại Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Á – Chi nhánh thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước, bà Th và ông T mỗi người trả $\frac{1}{2}$ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Th rút các yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Th được ly hôn với ông T và yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung tên Lê Nghiêm Đức A, sinh ngày 16/7/2009 và Lê Diệu A, sinh ngày 10/8/2018.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Nghiêm T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T thống nhất với nội dung trình bày của bà Th về thời gian kết hôn, việc đăng ký kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng. Ông T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể tiếp tục sống chung. Nay bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Th được ly hôn với ông T thì ông T đồng ý ly hôn với bà Th.

Về con chung: Ông T thống nhất trong thời gian chung sống ông T và bà Th có hai con chung tên Lê Nghiêm Đức A, sinh ngày 16/7/2009 và Lê Diệu A, sinh ngày 10/8/2018. Khi ly hôn ông T không đồng ý giao hai con cho bà Th nuôi

dưỡng, ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con vì muốn tạo cho các con một môi trường sống lành mạnh để các con phát triển. Ông T không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Khoản nợ 300.000.000 đồng vay tại Ngân hàng Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Á – Chi nhánh thị xã Bình Long, ông T và bà Th đã trả hết nợ gốc và lãi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Th và bị đơn ông T thỏa thuận thống nhất ly hôn và giao con chung tên Lê Nghiêm Đức A, sinh ngày 16/7/2009 cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung Lê Diệu A, sinh ngày 10/8/2018 cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Lê Diệu A đủ 06 (sáu) tuổi. Khi cháu Lê Diệu A đủ 06 (sáu) tuổi thì giao cháu Lê Diệu A cho ông T được trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Th và ông T không giao nộp bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành phát biểu ý kiến.

+ Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân thủ pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Quan điểm về giải quyết vụ án:

Qua nghiên cứu hồ sơ, tài liệu xét thấy: Bà Th và ông T chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của bà Th và ông T là hợp pháp. Trong quá trình chung sống xét thấy bà Th và ông T thường xuyên mâu thuẫn, đã sống ly thân và không còn quan tâm, yêu thương nhau.

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa;

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử cho bà Th được ly hôn với ông T.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bà Th và ông T tại phiên tòa về việc nuôi con chung Lê Nghiêm Đức A, sinh ngày 16/7/2009 và Lê Diệu A, sinh ngày 10/8/2018.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Th phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về tố tụng*: Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Th và trong quá trình giải quyết vụ án thì Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “*Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con*”; Bị đơn ông T có nơi cư trú tại ấp 3B, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước nên căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[2]. *Về nội dung vụ án*:

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Th và ông T tự nguyện kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Bình Long (nay là huyện Hớn Quản), tỉnh Bình Phước. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì hôn nhân giữa bà Th và ông T là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương nhau. Nay bà Th yêu cầu ly hôn thì ông T cũng đồng ý ly hôn. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà Th và ông T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa bà Th và ông T.

[2.2]. *Về con chung*: Quá trình chung sống bà Th và ông T có hai con chung tên Lê Nghiêm Đức A, sinh ngày 16/7/2009 và Lê Diệu A, sinh ngày 10/8/2018. Tại phiên tòa bà Th và ông T thỏa thuận giao cháu Lê Nghiêm Đức A cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với cháu Lê Diệu A, hiện cháu còn nhỏ tuổi nên giao cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Lê Diệu A đủ 06 tuổi, khi cháu Lê Diệu A đủ 06 tuổi thì giao cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, sự thỏa thuận của bà Th và ông T về việc nuôi con là do các bên tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và không ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của hai cháu. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận nêu trên của bà Th và ông T.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà Th và ông T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.4]. *Về tài sản chung*: Bà Th và ông T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] *Về nợ chung*: Bà Th và ông T khai không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. *Về ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát*: Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Nguyên đơn bà Th phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 143; 144; 147; 266; 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51; Điều 56; 81; 82; 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Lê Thị Th được ly hôn với ông Lê Nghiêm T.

2. Về con chung:

- Giao con chung Lê Nghiêm Đức A, sinh ngày 16/7/2009 cho bà Lê Thị Th được trực tiếp nuôi dưỡng;

- Giao con chung Lê Diệu A, sinh ngày 10/8/2018 cho bà Lê Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Lê Diệu A đủ 06 (sáu) tuổi. Khi cháu Lê Diệu A đủ 06 (sáu) tuổi thì giao cháu Lê Diệu A cho ông Lê Nghiêm T được trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Đình chỉ giải quyết vụ án đối với các yêu cầu khởi kiện bà Lê Thị Th gồm: Yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung, nợ chung khi ly hôn.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Lê Thị Th phải chịu số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 9.050.000 đồng (Chín triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số: 0002833, quyển số: 0057, ngày 05/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bình Phước. Hoàn trả cho bà Th số tiền 8.750.000 đồng (Tám triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Nơi nhận:

- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã T-Hón Quán-Bình Phước
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Quốc Mạnh

